Tiết 135,146 Ngày soạn:18/4/2023

Ngày dạy: 20/4/2023

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 8**

**(Thời lượng thực hiện: 2 tiết)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Sau khi học xong bài này, HS:

* Ôn tập lại kiến thức đã học
* Hoàn thiện giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề 8

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

* Tự chủ và tự học: Chủ động gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm, hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề
* Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ để ôn tập; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm trong bài ôn tập chủ đề
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất, phân tích, thiết kế sơ đồ tư duy về sự đa dạng các nhóm sinh vật; Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đánh giá chủ đề ôn tập.

**- Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng thế giới sống và vai trò cửa mỗi nhóm sinh vật trong thực tiễn
* Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được lợi ích và tác hại của các nhóm sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết ứng dụng những lợi ích của các nhóm sinh vật và hạn chế các tác hại do sinh vật gây ra đối với con người, tự nhiên.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;
* Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;
* Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới sinh vật ngoài thiên nhiên
* Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ thế giới sinh vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** chuẩn bị giấy khổ A3, bài tập cho Hs ôn tập

**2 . Đối với học sinh** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi cho HS vào bài

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Ở chủ đề 8, chúng ta đã nghiên cứu tìm hiểu về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học . Bài ôn tập ngày hôm nay, chúng ta sẽ đi ôn tập và hoàn thiện bài tập để củng cố lại kiến thức đã học

**B.** **HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**Hoạt động: Hệ thống hóa kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS tham gia một số trò chơi có tính tổng hợp như Đuổi hình bắt chữ, thiết kế áp phích nhanh về chủ để Bảo vệ đa dạng sinh học.- Chia lớp thành 6 nhóm tương ứng với: Virus, giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Động vật, giới Thực vật.- Để ôn tập phần Đa dạng sinh học, GV tổ chức trò chơi hoặc thi trả lời nhanh các câu hỏi về Đa dạng sinh học giữa các nhóm, vẽ sơ đồ tư duy thể hiện kiến thức đã học**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + GV gọi đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày sơ đồ tư duy của nhóm mình**- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất | **HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức vào giấy A3** |
|  |
|  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:*

**Câu 1.** Hãy cho biết sinh vật nào dưới đây không cùng nhóm động vật với những sinh vật còn lại

A. Nấm túi

B. Nấm men

C. Nấm nhầy

D. Nấm đảm

**Câu 2.** Sử dụng kiến thức đã học, hoàn thàng bảng theo mẫu sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giới sinh vật | Đại diện | Đặc điểm cấu tạo | Kiểu dinh dưỡng |
| Khởi sinh |  |  |  |
| Nguyên sinh |  |  |  |
| Nấm |  |  |  |
| Thực vật |  |  |  |
| Động vật |  |  |  |

**Câu 3**: Hoàn thành bảng theo mẫu sau bằng cách điền chức năng tương ứng với các thành phần cấu tạo của virus

|  |  |
| --- | --- |
| Thành phần cấu tạo của virus | Chức năng |
| Vỏ protein |  |
| Phần lõi |  |
| Vỏ ngoài |  |

**Câu 4 :** Vi sinh vật là những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, nhân sơ hoặc nhân thực, có kích thước rất nhỏ, không quan sát được bằng mắt thường mà phải sử dụng kính hiển vi. Vi sinh vật có ở khắp mọi nơi trên Trái Đất, ngay ở điều kiện khắc nghiệt nhất như nhiệt độ cao trong miệng núi lửa, nhiệt độ thấp ở Nam Cực và áp suất lớn dưới đáy đại dương. Vì sinh vật có khoảng trên 100 nghìn loài, trong đó nhiều loài vi sinh vật có lợi nhưng cũng có nhiều loài gây bệnh cho người và sinh vật khác.

a) Vi sinh vật bao gồm những nhóm nào sau đây?

A. Vi khuẩn, nguyên sinh vật.

B. Vĩ khuẩn, thực vật.

C. Nguyên sinh vật, thực vật.

D. Nấm, động vật.

b) Nêu vai trò của vị sinh vật đối với con người.

c) Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ dinh dưỡng giữa vi sinh vật với các sinh vật khác như thực vật, động vật.

**Câu 5 :** Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền từ người sang người hoặc từ động vật sang người. Tác nhân gây bệnh thường là virus, vi khuẩn, nấm hoặc nguyên sinh vật. Các bệnh truyền nhiễm thường lây lan nhanh và có thể bùng phát thành dịch. Hãy khảo sát thực trạng bệnh truyền nhiễm ở địa phương em và lập bảng thống kê tên bệnh, tác nhân gây bệnh, biểu hiện và biện pháp phòng chống các bệnh đó.

*- GV cho HS trình bày trước lớp kết quả hoạt động*

*- GV nhận xét kết luận :*

**Câu 1 :** C

**Câu 2 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giới sinh vật | Đại diện | Đặc điểm cấu tạo | Kiểu dinh dưỡng |
| Khởi sinh | Vi khuẩn E.coli, vi khuẩn lam | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân sơ | Tự dưỡng hoặc dị dưỡng |
| Nguyên sinh | Trùng roi, trùng đế giày, tảo lam | Cơ thể có cấu tạo đơn bào, nhân thực | Dị dưỡng hoặc tự dưỡng |
| Nấm | Nấm men, nấm mốc | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đơn hoặc đa bào | Dị dưỡng |
| Thực vật | Vi khuẩn E.coli, vi khuẩn lam | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Tự dưỡng |
| Động vật | Giun, cốc, cá, ếch,… | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Tự dưỡng |

**Câu 3 :**

|  |  |
| --- | --- |
| Thành phần cấu tạo của virus | Chức năng |
| Vỏ protein | Bảo vệ phần lõi |
| Phần lõi | Chứa vật cất di truyền |
| Vỏ ngoài | Bảo vệ, giúp virus bám lên bề mặt tế bào chủ |

**Câu 4 :**

a) Đáp án A.

b) Vai trò của vì sinh vật đối với con người:

- Vì sinh vật tham gia vào chu trình sinh địa hoá phân huỷ xác sinh vật làm sạch môi trường;

- Một số nhóm vi sinh vật được sử dụng trong quá trình sản xuất, lên men.

c. Xác sinh vatah ( động vật, thực vật)-> Vi sinh vật phân hủy-> Mùn bã giùa chất dinh dưỡng-> : dinh dưỡng cho thực vật-> làm thức ăn cho động vật

**Câu 5 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên bệnh | Tác nhân gây bệnh | Biểu hiện | Biện pháp phòng chống |
| 1 | Bệnh sốt xuất huyết | Virus dengue | Đau đầu, sốt, phát ban, chảy máu cam, nôn,… | Diệt muỗi, diệt bọ gậy, ngăn ngữa muỗi đốt,…. |
| 2 | Bệnh tiêu chảy | Vi khuẩn đường ruột | Buồn nôn, nôn, đau đầu, tiêu chảy | Rửa tay đúng cách theo khuyến cáo, ăn uống hợp vệ sinh. Vệ sinh môi trường sạch sẽ |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Gắn với thực tế- Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập-Trao đổi, thảo luận |  |